

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIÁO DỤC THÓI QUEN VỆ SINH CHO TRẺ MẦM NON Ở SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC THÔNG QUA HỌC PHẦN “VỆ SINH VÀ DINH DƯỠNG TRẺ EM”

DƯƠNG THỊ DUYÊN

Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

Nhận bài ngày 06/11/2025. Sửa chữa xong 30/12/2025. Duyệt đăng 17/01/2026.

Abstract

This article emphasizes the role of hygiene habit education in preschool health education and the need to develop relevant competencies among Early Childhood Education students. Drawing on the WASH approach (water–sanitation–hygiene), the study argues that behavior education must be accompanied by appropriate classroom conditions that enable practical implementation. Students' competency in hygiene education includes foundational knowledge; activity design; organizing and guiding children's practice; assessment and feedback; and collaboration with families. Competency development is implemented through the course “Child Hygiene and Nutrition” following a structured sequence of tasks: acquiring core knowledge, practicing instructional design, conducting micro-teaching, refining instructional products, and engaging in reflective practice. Assessment is based on evidence derived from instructional products, situational tasks, presentations, and reflective essays. The article proposes several measures, including standardizing behavioral objectives based on a “hygiene behavior chain,” applying case-based teaching aligned with the WASH framework, implementing micro-teaching, and organizing communication projects in coordination with parents.

Keywords: Early Childhood Education, hygiene habit education, preschool children, professional competency, students, WASH approach.

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục mầm non (GDMN), hình thành thói quen vệ sinh đúng cho trẻ được xem là một nội dung cốt lõi của giáo dục sức khỏe, góp phần giảm nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm, nâng cao thể chất và chất lượng cuộc sống của trẻ. Nghiên cứu tổng quan về giáo dục sức khỏe trong GDMN cho thấy giai đoạn đầu đời là “cửa sổ vàng” để xây dựng các hành vi lành mạnh, trong đó có vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và dinh dưỡng hợp lý; hiệu quả của giáo dục phụ thuộc đáng kể vào năng lực sư phạm của giáo viên mầm non (GVMMN) [1].

Các báo cáo của UNICEF và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) nhấn mạnh rằng việc rửa tay với xà phòng, sử dụng và duy trì nhà vệ sinh sạch là một trong những biện pháp đơn giản nhưng có hiệu quả cao trong phòng ngừa bệnh tật cho trẻ em [2]. Trên phạm vi toàn cầu, tình trạng thiếu hụt điều kiện rửa tay bằng nước và xà phòng tại trường học vẫn là thách thức nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe và quyền được học tập trong môi trường an toàn của hàng trăm triệu trẻ em. Tại Việt Nam, UNICEF cho thấy các hành vi vệ sinh cơ bản như rửa tay với xà phòng, sử dụng và duy trì nhà tiêu hợp vệ sinh có thể giúp giảm tới khoảng 43% tỉ lệ tiêu chảy ở trẻ em, khẳng định vai trò then chốt của giáo dục vệ sinh trong cộng đồng, đặc biệt là ở lứa tuổi mầm non [7]. Trong bối cảnh đó, trường mầm non không chỉ là nơi chăm sóc, nuôi dưỡng mà còn là môi trường quan trọng để rèn luyện thói quen vệ sinh bền vững cho trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải phát triển năng lực

Email: duongthiduyen@utb.edu.vn

giáo dục thói quen vệ sinh cho đội ngũ GVMN tương lai. Ở Trường Đại học Tây Bắc, học phần “Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em” trong chương trình đào tạo ngành GDMN cung cấp cho sinh viên (SV) hệ thống kiến thức về vi sinh - ký sinh trùng, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, dinh dưỡng và phòng bệnh, đồng thời bước đầu rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục vệ sinh cho trẻ. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy một bộ phận SV còn lúng túng khi thiết kế hoạt động giáo dục thói quen vệ sinh, khi lồng ghép nội dung này vào các hoạt động học, chơi và sinh hoạt hằng ngày cũng như khi hướng dẫn trẻ thực hành vệ sinh một cách tích cực, tự giác.

Từ yêu cầu thực tiễn và định hướng đào tạo theo tiếp cận năng lực, việc nghiên cứu phát triển năng lực giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non ở SV ngành GDMN Trường Đại học Tây Bắc thông qua học phần “Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em” là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GVMN, đồng thời đáp ứng mục tiêu chăm sóc - giáo dục trẻ toàn diện về thể chất và sức khỏe trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về phát triển năng lực giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non ở sinh viên ngành Giáo dục mầm non

2.1.1. Khái niệm giáo dục thói quen vệ sinh trong giáo dục mầm non

Giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non được hiểu là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch nhằm giúp trẻ hình thành và duy trì các hành vi vệ sinh đúng trong đời sống hằng ngày (vệ sinh cá nhân; vệ sinh ăn uống; vệ sinh môi trường; hành vi vệ sinh trong giao tiếp, phòng lây nhiễm). Nội dung này thuộc phạm trù giáo dục sức khỏe trong GDMN và có ý nghĩa trực tiếp đối với phòng bệnh, nâng cao thể lực và chất lượng sống của trẻ [1].

Thói quen vệ sinh của trẻ mang tính hành vi thực hành, vì vậy, giáo dục thói quen vệ sinh hiệu quả không chỉ dừng ở “nhắc nhở” mà cần tổ chức cho trẻ được quan sát - thực hành - lặp lại - củng cố trong ngữ cảnh phù hợp, đặc biệt là trong các thời điểm sinh hoạt then chốt như trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, sau khi chơi ngoài trời [1].

2.1.2. Vai trò của giáo dục vệ sinh và cách tiếp cận WASH trong môi trường mầm non

Trong giáo dục sức khỏe, WASH (Water, Sanitation and Hygiene) là cách tiếp cận tích hợp, nhấn mạnh mối liên hệ không thể tách rời giữa nước sạch (Water), công trình vệ sinh/nhà tiêu hợp chuẩn (Sanitation) và hành vi vệ sinh (Hygiene) nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, nước uống an toàn, vệ sinh và thực hành vệ sinh là những điều kiện thiết yếu đối với sức khỏe và phúc lợi của con người [3]. Đồng thời, UNICEF sử dụng WASH như một khung can thiệp tổng thể, bao gồm bảo đảm tiếp cận nước và vệ sinh cũng như thúc đẩy các thực hành vệ sinh cơ bản trong nhiều môi trường sống và học tập [4].

Trong môi trường GDMN, tiếp cận WASH có ý nghĩa đặc biệt vì trẻ nhỏ dễ bị tác động bởi các bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa và tiếp xúc, trong khi hành vi vệ sinh lại phụ thuộc mạnh vào nề nếp sinh hoạt và môi trường hỗ trợ. Ở cấp nhà trường, UNICEF nhấn mạnh rằng quyền được học tập có chất lượng gắn với việc trẻ được tiếp cận dịch vụ WASH tại trường (nước uống, vệ sinh và rửa tay), bởi các dịch vụ này ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, việc học và phẩm giá của trẻ [8]. Bên cạnh đó, dữ liệu WHO/UNICEF cho thấy trước đại dịch Covid-19, một tỉ lệ đáng kể trường học trên thế giới vẫn thiếu điều kiện rửa tay cơ bản (nước và xà phòng), qua đó làm nổi bật nhu cầu cấp thiết phải kết hợp giáo dục hành vi với bảo đảm điều kiện thực hành [2].

Về mặt sư phạm, tiếp cận WASH giúp chuyển trọng tâm từ “dạy vệ sinh như một nội dung kiến thức” sang tổ chức hình thành hành vi vệ sinh bền vững dựa trên sự thống nhất giữa giáo dục hành vi và môi trường - điều kiện hỗ trợ. Điều này hàm ý rằng giáo dục thói quen vệ sinh ở mầm non cần đồng thời: 1) Thiết kế hoạt động để trẻ được làm - được lặp lại - được củng cố hành vi (đặc biệt rửa tay với xà phòng); 2) Bố trí điều kiện lớp học cho phép trẻ thực hành thuận tiện (điểm rửa tay phù hợp tầm trẻ, có xà phòng, nhắc trực quan); 3) Duy trì nề nếp vệ sinh như một phần của chế độ sinh hoạt hằng ngày. Cách tiếp cận

này cũng phù hợp với định hướng “WASH in Schools” của UNICEF, nhấn mạnh đưa các thực hành vệ sinh vào hoạt động thường nhật của nhà trường và bảo đảm tiêu chí môi trường học tập an toàn [8].

Đối với đào tạo SV ngành GDMN, tiếp cận WASH cung cấp một khung năng lực thực hành rõ ràng: SV không chỉ cần nắm kiến thức vệ sinh - phòng bệnh mà quan trọng hơn là biết thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động rèn thói quen vệ sinh cho trẻ trong các bối cảnh hoạt động học, chơi và sinh hoạt hằng ngày; đồng thời biết phối hợp với gia đình để duy trì hành vi nhất quán. Trong các mô hình thúc đẩy WASH ở trường học, UNICEF khuyến nghị các giải pháp theo “từng bước” nhằm bảo đảm thói quen vệ sinh được dạy - thực hành - tích hợp vào nề nếp của trường, qua đó gợi ý hữu ích cho việc thiết kế chuỗi nhiệm vụ học tập và thực hành sự phạm trong học phần liên quan [5].

2.1.3. Nội dung giáo dục thói quen vệ sinh và cấu trúc năng lực của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Ở lứa tuổi mầm non, giáo dục thói quen vệ sinh không chỉ tập trung vào vệ sinh cá nhân mà được triển khai theo các nhóm hành vi vệ sinh gắn với đời sống hằng ngày của trẻ. Theo định hướng nội dung của học phần “Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em”, giáo dục thói quen vệ sinh được tổ chức thành các mảng: 1) Khái niệm về thói quen vệ sinh và mối liên hệ giữa kỹ xảo - thói quen; 2) Các nội dung thói quen vệ sinh (thói quen ăn uống có văn hóa văn minh; thói quen hoạt động có văn hóa vệ sinh; thói quen giao tiếp có văn hóa...); 3) Phương pháp và hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ; 4) Đánh giá thói quen vệ sinh của trẻ [6].

Từ yêu cầu nghề nghiệp của GVMN và các thành phần nội dung nêu trên, năng lực giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non của SV có thể được cấu trúc theo 4 nhóm thành tố chính: 1) Năng lực hiểu biết chuyên môn (kiến thức nền) về vệ sinh - sức khỏe: SV nắm được ý nghĩa sức khỏe của các hành vi vệ sinh (đặc biệt rửa tay với xà phòng), hiểu nội dung các nhóm thói quen vệ sinh, hiểu điều kiện môi trường hỗ trợ thực hành theo tiếp cận WASH, đồng thời biết liên hệ với mục tiêu giáo dục sức khỏe ở mầm non; 2) Năng lực thiết kế hoạt động giáo dục thói quen vệ sinh: SV xác định mục tiêu hành vi cụ thể (quan sát được), lựa chọn nội dung - học liệu - phương pháp phù hợp với lứa tuổi; xây dựng kịch bản tổ chức lồng ghép trong hoạt động học, chơi và sinh hoạt hằng ngày; dự kiến tình huống và phương án hỗ trợ trẻ (làm mẫu, nhắc trực quan, củng cố tích cực); 3) Năng lực tổ chức - hướng dẫn trẻ thực hành và duy trì thói quen: SV thực hiện được thao tác làm mẫu đúng, hướng dẫn trẻ luyện tập theo quy trình, tạo hứng thú và động lực tích cực; tổ chức môi trường lớp học thuận lợi cho trẻ “tự làm” (điểm rửa tay phù hợp tầm trẻ, có xà phòng, ký hiệu nhắc) theo tinh thần WASH; 4) Năng lực đánh giá - phản hồi - phối hợp gia đình: SV lựa chọn tiêu chí/phiếu quan sát để đánh giá mức độ hình thành thói quen của trẻ; phản hồi phù hợp, điều chỉnh hoạt động giáo dục; đồng thời thiết kế được thông điệp và hình thức phối hợp phụ huynh để duy trì hành vi nhất quán giữa nhà trường và gia đình.

2.1.4. Nguyên tắc phát triển năng lực giáo dục thói quen vệ sinh cho sinh viên theo tiếp cận năng lực

a. *Hướng vào năng lực thực hành nghề nghiệp*: Đào tạo SV không dừng ở “biết/hiểu” kiến thức vệ sinh mà phải tạo cơ hội để SV “làm được” các nhiệm vụ nghề: thiết kế - tổ chức - đánh giá hoạt động giáo dục vệ sinh, xử lý tình huống và phối hợp gia đình.

b. *Gắn chặt giữa giáo dục hành vi và điều kiện thực hành theo WASH*: Việc hình thành thói quen vệ sinh bền vững phụ thuộc đồng thời vào giáo dục hành vi (làm mẫu - luyện tập - củng cố) và môi trường hỗ trợ (nước sạch, vệ sinh, điểm rửa tay, xà phòng...). Vì vậy, khi rèn năng lực cho SV cần yêu cầu SV thiết kế hoạt động kèm “điều kiện thực hành” tối thiểu và giải pháp tổ chức trong điều kiện cơ sở vật chất khác nhau.

c. *Tổ chức học tập trải nghiệm - mô phỏng - dạy thử*: Thói quen vệ sinh thuộc nhóm kỹ năng hành vi, do đó cần tăng cường trải nghiệm: tình huống sự phạm, mô phỏng lớp mầm non, dạy thử ngắn, quan sát - phản tư... để SV chuyển từ “ý tưởng” sang “thực hành sự phạm”.

d. *Đánh giá dựa trên minh chứng*: Đánh giá năng lực cần dựa trên sản phẩm và hành vi thể hiện được: kế hoạch hoạt động, học liệu, video/phiếu quan sát dạy thử, bài tập tình huống, sản phẩm truyền thông/phối hợp phụ huynh... theo yêu cầu đánh giá của học phần.

2.2. Tổ chức phát triển năng lực giáo dục thói quen vệ sinh cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Tây Bắc thông qua học phần “Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em”

Theo đề cương chi tiết, học phần “Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em” (4 tín chỉ) gồm 50 tiết lý thuyết, 20 tiết thảo luận - thực hành và 120 tiết tự học. Chuẩn đầu ra gắn trực tiếp với năng lực giáo dục thói quen vệ sinh thể hiện rõ ở CO4: “Vận dụng phương pháp, hình thức phù hợp để giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ em”. Trọng tâm của CO4 không chỉ là truyền đạt tri thức mà còn là hình thành năng lực tổ chức hoạt động giáo dục có mục tiêu, có quy trình và có tiêu chí kiểm chứng bằng sản phẩm cụ thể. Trên cơ sở đó, tổ chức dạy học được thiết kế theo hướng tăng cường nhiệm vụ thực hành sư phạm và đánh giá dựa trên minh chứng, bảo đảm người học không chỉ “biết” mà “làm được” trong bối cảnh nghề nghiệp. Đồng thời, cách tổ chức này tạo điều kiện để SV luyện năng lực “chuyển hóa kiến thức” thành hành động giáo dục phù hợp lứa tuổi, bối cảnh lớp học và điều kiện cơ sở vật chất thực tế của cơ sở mầm non.

2.2.1. Tổ chức tiến trình dạy học theo chuỗi nhiệm vụ gắn với năng lực

Giảng viên có thể triển khai theo 5 bước: 1) Hình thành kiến thức nền; 2) Luyện tập thiết kế; 3) Thực hành mô phỏng/dạy thử; 4) Hoàn thiện sản phẩm; 5) Đánh giá và phản tư. Chuỗi này phù hợp với đề cương khi học phần vừa cung cấp nền tảng vệ sinh học, vừa có nội dung riêng về “Giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ”, tổ chức hoạt động, phối hợp gia đình và đánh giá thói quen. Ở bước 1, kết hợp thuyết trình, hỏi-đáp, thảo luận nhóm và thực hành trên lớp. Ở bước 2, SV thực hiện nhiệm vụ “thiết kế hoạt động giáo dục thói quen vệ sinh” cho các bối cảnh học tập - vui chơi - sinh hoạt và phối hợp gia đình, đồng thời gắn với nội dung đánh giá thói quen vệ sinh. Ở bước 3, tổ chức micro-teaching theo nhóm (làm mẫu quy trình, hướng dẫn thực hành theo tình huống, xử lý chống đối, sử dụng ngôn ngữ tích cực và củng cố hành vi), tận dụng thời lượng thảo luận - thực hành. Để tăng tính nghề nghiệp, giảng viên có thể yêu cầu các nhóm xây dựng “kịch bản rủi ro” (thiếu nước, trẻ sợ xà phòng, trẻ tranh giành lượt rửa tay...) và thể hiện cách điều chỉnh tổ chức. Ở bước 4, SV hoàn chỉnh “gói sản phẩm giáo dục vệ sinh” gồm kế hoạch hoạt động/giáo án, học liệu trực quan, phiếu quan sát - tiêu chí đánh giá và nội dung phối hợp gia đình, phù hợp các dạng bài tập/đánh giá trong đề cương. Ở bước 5, giảng viên phản hồi theo rubric và yêu cầu phân tư ngắn về điểm mạnh, điểm cần cải tiến và kế hoạch điều chỉnh.

2.2.2. Thiết kế hoạt động học tập “trên lớp - ngoài lớp” nhất quán với yêu cầu tự học và tương tác

Đề cương xác định mô hình: Ở nhà đọc tài liệu theo chỉ dẫn; trên lớp trả lời câu hỏi, ghi chép, thảo luận và thực hành. Có thể chuẩn hóa thành cấu trúc “tiền nhiệm vụ - nhiệm vụ - hậu nhiệm vụ”: Tiền nhiệm vụ: đọc tài liệu, hoàn thành câu hỏi định hướng/quiz ngắn về kiến thức cốt lõi; Nhiệm vụ: thảo luận tình huống sư phạm, rapid design theo nhóm; trình bày phương án tổ chức hoạt động và nhận phản hồi theo tiêu chí; Hậu nhiệm vụ: hoàn thiện sản phẩm, nộp minh chứng; có thể gắn nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục thói quen vệ sinh trong trường mầm non. Ngoài ra, có thể yêu cầu SV chuẩn bị thông điệp truyền thông ngắn, dễ hiểu (poster/clip 1 phút) gửi cho phụ huynh để tăng tính liên kết nhà trường - gia đình.

2.2.3. Tổ chức đánh giá theo nhiều nguồn minh chứng để đo năng lực tin cậy

Đề cương quy định đánh giá quá trình - giữa kỳ - cuối kỳ với trọng số 20%-30%-50%. Đánh giá quá trình (20%) gồm chuyên cần/thái độ, bài tập cá nhân và bài tập nhóm trên lớp, thuận lợi để thu thập minh chứng theo “đường tiến triển” từ tham gia đến thiết kế và trình bày sản phẩm. Đánh giá giữa kỳ (30%) bằng tự luận có thể theo tình huống nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch giáo dục thói quen vệ sinh trong bối cảnh cụ thể nhằm kiểm tra năng lực vận dụng có lập luận. Đánh giá cuối kỳ (50%) bằng tự luận có thể yêu cầu phân tích và đề xuất giải pháp tổng hợp (tổ chức nề nếp vệ sinh, phối hợp gia đình, tiêu chí đánh giá), đo năng lực ở mức tổng hợp - thiết kế - đánh giá. Đề cương cũng quy định điều kiện dự thi (tham dự tối thiểu 80% số tiết và đạt yêu cầu điểm quá trình), góp phần bảo đảm năng lực hình thành qua tham gia đầy đủ hoạt động thực hành và tương tác. Việc gắn đánh giá với rubric, bộ minh chứng và tình huống nghề nghiệp cũng giúp tăng tính công bằng, minh bạch và phản ánh đúng năng lực thực hành của SV.

Như vậy, phát triển năng lực giáo dục thói quen vệ sinh trong học phần được hiện thực hóa qua: 1) Chuỗi nhiệm vụ thực hành sư phạm gắn nội dung “giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ”; 2) Tổ chức học

tập tích cực theo mô hình tự học có hướng dẫn - thảo luận - thực hành; 3) Đánh giá đa nguồn minh chứng (quá trình, giữa kỳ, cuối kỳ) với trọng số rõ ràng, nhấn mạnh “vận dụng và thực hành” thay vì chỉ “nhớ/biết”.

2.3. Một số biện pháp nhằm phát triển năng lực giáo dục thói quen vệ sinh cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc

2.3.1. Chuẩn hóa mục tiêu hành vi và thiết kế hoạt động theo “chuỗi hành vi vệ sinh”

a. *Mục đích:* Biện pháp nhằm giúp SV chuyển từ cách dạy vệ sinh theo kiểu “nhắc nhở - yêu cầu” sang cách tổ chức giáo dục theo hướng hình thành thói quen bền vững. Trọng tâm là rèn năng lực xác định mục tiêu hành vi cụ thể, quan sát được; đồng thời biết thiết kế hoạt động để trẻ được làm mẫu, được luyện tập, được củng cố và được đánh giá tiến bộ theo tiêu chí rõ ràng.

b. *Nội dung và cách thực hiện:* Giảng viên hướng dẫn SV chuyển mỗi nội dung vệ sinh thành mục tiêu hành vi có thể quan sát/đo được (ví dụ: trẻ thực hiện đủ các bước rửa tay; trẻ bỏ rác đúng nơi; trẻ che miệng khi ho và vệ sinh sau đó...). Từ mục tiêu, SV thiết kế hoạt động theo chuỗi 5 bước: tình huống khởi phát - làm mẫu - trẻ thực hành có hướng dẫn - củng cố - tiêu chí đánh giá. Trong đó, tình huống khởi phát cần gắn với thời điểm sinh hoạt thật (trước ăn, sau chơi, sau đi vệ sinh) hoặc tình huống mô phỏng phù hợp lứa tuổi; bước làm mẫu yêu cầu giáo viên thao tác chậm, rõ, đúng quy trình và nhấn “điểm then chốt”; bước thực hành tổ chức cho trẻ thực hiện theo nhóm nhỏ/luân phiên, có lời nhắc ngắn gọn và hỗ trợ tối thiểu; bước củng cố sử dụng khen ngợi cụ thể, biểu tượng động viên, phân vai “trợ lý vệ sinh”; và bước đánh giá sử dụng tiêu chí đơn giản 2-3 mức (đúng/chưa đúng; cần nhắc/không cần nhắc; đủ bước/chưa đủ bước). Để tăng tính nghề nghiệp, giảng viên yêu cầu SV nộp kèm “kịch bản lời nói” (câu nhắc, câu gợi mở, câu khen), dự kiến lỗi thường gặp và cách xử lý khi trẻ làm sai hoặc không hợp tác.

c. *Điều kiện thực hiện:* Cần có kế hoạch bài học/phiếu thiết kế hoạt động thống nhất (mẫu chung cho lớp), có học liệu trực quan cơ bản (thẻ quy trình, tranh minh họa, ký hiệu nhắc) và có thời lượng thảo luận-thực hành đủ để SV trình bày - nhận phản hồi - chỉnh sửa. Đồng thời, giảng viên cần xây dựng tiêu chí/rubric ngắn để phản hồi thống nhất giữa các nhóm, bảo đảm việc chuẩn hóa mục tiêu hành vi và chuỗi hoạt động được thực hiện đồng bộ.

2.3.2. Dạy học tình huống gắn tiếp cận WASH (hành vi + điều kiện thực hành)

a. *Mục đích:* Biện pháp nhằm hình thành cho SV tư duy hệ thống khi giáo dục vệ sinh: không quy toàn bộ khó khăn về phía trẻ mà phân tích đồng thời yếu tố hành vi và yếu tố môi trường/điều kiện thực hành. Từ đó, SV biết đề xuất giải pháp mang tính “kép”: vừa tổ chức hoạt động giáo dục hành vi, vừa điều chỉnh điều kiện lớp học để hỗ trợ trẻ thực hành và duy trì nề nếp.

b. *Nội dung và cách thực hiện:* Giảng viên xây dựng bộ tình huống sư phạm điển hình trong lớp mầm non (trẻ không muốn rửa tay; lớp thiếu xà phòng/khăn; vòi nước cao; trẻ ho/hắt hơi không che; trẻ đùa nghịch trong nhà vệ sinh; chuyển tiếp giờ ăn gấp...). SV phân tích tình huống theo hai lớp nguyên nhân: 1) Nguyên nhân thuộc hành vi - tâm lý của trẻ (chưa hiểu mục đích, sợ nước, dễ sao nhãng, bắt chước bạn...); 2) Nguyên nhân thuộc điều kiện và tổ chức lớp (thiếu điểm rửa tay thuận tiện, thiếu ký hiệu nhắc, quy trình không nhất quán, thời gian chuyển tiếp chưa hợp lý...). Sau phân tích, SV đề xuất giải pháp theo hai nhóm tương ứng: nhóm giải pháp sư phạm (làm mẫu, trò chơi hóa, lời nhắc tích cực, củng cố, phân công vai trò, tổ chức nhóm nhỏ...) và nhóm giải pháp điều kiện (bố trí góc rửa tay, bổ sung vật dụng vừa tầm, nhắc trực quan, phân luồng thời gian, chuẩn hóa nề nếp). Giảng viên tổ chức cho các nhóm trình bày, phản biện chéo và chốt lại “nguyên tắc ra quyết định” để SV vận dụng nhất quán khi gặp tình huống mới.

c. *Điều kiện thực hiện:* Cần chuẩn bị ngân hàng tình huống phù hợp bối cảnh trường mầm non địa phương; có phiếu phân tích tình huống (khung WASH) để SV làm theo mẫu và có tiêu chí đánh giá rõ ràng về mức độ đầy đủ, tính khả thi, tính phù hợp lứa tuổi và mức độ cân bằng giữa hai nhóm giải pháp (hành vi - điều kiện). Môi trường lớp học cần hỗ trợ hoạt động thảo luận và trình bày nhóm (bảng, giấy A0, phương tiện trình chiếu hoặc công cụ số đơn giản).

2.3.3. Dạy thử ngắn và phản hồi theo tiêu chí

a. **Mục đích:** Biện pháp nhằm chuyển năng lực của SV từ “thiết kế trên giấy” sang “thực hành sư phạm”, đặc biệt là năng lực làm mẫu, hướng dẫn trẻ luyện tập, sử dụng ngôn ngữ tích cực, củng cố hành vi và xử lý tình huống. Đồng thời, biện pháp rèn năng lực tự đánh giá và cải tiến thông qua phản hồi có tiêu chí và hoạt động phản tư sau dạy thử.

b. **Nội dung và cách thực hiện:** SV thực hiện dạy thử 5-7 phút một nội dung vệ sinh cụ thể (rửa tay; vệ sinh trước khi ăn; vệ sinh khi ho/hắt hơi; bỏ rác đúng nơi...), nhóm bạn đóng vai trẻ theo các “kịch bản hành vi” (hợp tác, chống đối, làm sai, xao nhãng). Trước khi dạy thử, SV nộp kịch bản ngắn theo chuỗi hành vi vệ sinh và chuẩn bị học liệu. Trong khi dạy thử, giảng viên quan sát và đánh giá theo phiếu tiêu chí gồm: độ đúng và rõ của làm mẫu; cách tổ chức cho trẻ thực hành; ngôn ngữ hướng dẫn; hình thức củng cố; xử lý tình huống; và mức độ gắn điều kiện thực hành. Sau dạy thử, giảng viên phản hồi theo cấu trúc “điểm mạnh - điểm cần cải tiến - gợi ý cụ thể”, sau đó yêu cầu SV viết phản tư ngắn và chỉnh sửa kịch bản/hoạt động theo góp ý để nộp lại phiên bản hoàn thiện.

c. **Điều kiện thực hiện:** Cần thời lượng thảo luận - thực hành đủ để mỗi nhóm được dạy thử và nhận phản hồi; cần không gian lớp học cho hoạt động mô phỏng (bố trí như góc rửa tay/giờ ăn giả định); có bộ học liệu tối thiểu (tranh quy trình, thẻ nhắc, đồ dùng mô phỏng); và có rubric/phiếu quan sát thống nhất để bảo đảm phản hồi công bằng. Ngoài ra, cần thống nhất quy tắc “phản hồi mang tính phát triển” để SV sẵn sàng thử nghiệm, không lo ngại sai.

3. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định giáo dục thói quen vệ sinh là nội dung cốt lõi của giáo dục sức khỏe ở mầm non, có ý nghĩa trực tiếp đối với phòng bệnh và nâng cao chất lượng sống của trẻ. Trong bối cảnh nhiều cơ sở giáo dục còn hạn chế về điều kiện rửa tay, vệ sinh và duy trì môi trường sạch, cách tiếp cận WASH là khung lý luận phù hợp để tổ chức giáo dục vệ sinh theo hướng tích hợp giữa giáo dục hành vi và bảo đảm điều kiện thực hành. Trên cơ sở đó, năng lực giáo dục thói quen vệ sinh của SV ngành GDMN được xác định theo cấu trúc gồm: kiến thức nền; năng lực thiết kế hoạt động; năng lực tổ chức - hướng dẫn trẻ thực hành; năng lực đánh giá - phản hồi - phối hợp với gia đình. Thông qua học phần “Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em”, việc phát triển năng lực được tổ chức theo chuỗi nhiệm vụ gắn với thực hành sư phạm và đánh giá dựa trên minh chứng, giúp SV chuyển hóa kiến thức thành khả năng “làm được” trong bối cảnh nghề nghiệp. Các biện pháp chủ đạo như chuẩn hóa mục tiêu hành vi theo “chuỗi hành vi vệ sinh”, dạy học tình huống gắn WASH, dạy thử ngắn kèm phản hồi theo tiêu chí và dự án truyền thông - phối hợp với phụ huynh góp phần nâng cao tính thực tiễn, tính hệ thống và tính bền vững của hoạt động giáo dục vệ sinh. Thời gian tới cần tiếp tục triển khai thử nghiệm ở quy mô phù hợp, hoàn thiện rubric và học liệu, đồng thời thu thập phản hồi từ cơ sở mầm non và phụ huynh để tối ưu hóa quy trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ GVMN trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ramos-Pla, A., & Fornons Casol, L. (2025). *Health education in early childhood education: A systematic review of the literature*. *Societies*, 15(4), 106. <https://doi.org/10.3390/soc15040106>.
- [2] Trường Đại học Tây Bắc. (n.d.). *Đề cương chi tiết học phần Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em (PRE2039)*. Tài liệu Lưu hành nội bộ, Khoa Tiểu học - Mầm non.
- [3] United Nations Children's Fund. (2015, October 15). *Improved access to hygiene is critical for new development agenda - UNICEF*. United Nations in Viet Nam. <https://vietnam.un.org/en/7857-improved-access-hygiene-critical-new-development-agenda-%E2%80%93-unicef>.
- [4] United Nations Children's Fund. (2024, May 27). *WASH in schools*. *UNICEF Data*. <https://data.unicef.org/topic/water-and-sanitation/wash-in-schools/>.
- [5] United Nations Children's Fund. (n.d.). *The Three Star Approach for WASH in Schools: Field guide*. <https://www.unicef.org/documents/three-star-approach-wash-schools-field-guide>.
- [6] United Nations Children's Fund. (n.d.). *Water, sanitation and hygiene (WASH)*. <https://www.unicef.org/water-sanitation-and-hygiene-wash>.
- [7] World Health Organization, & United Nations Children's Fund. (2020, August 13). *2 in 5 schools around the world lacked basic*